

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 60-TC/CĐKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 1 tháng 9 năm 1997

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện công tác kế toán và kiểm toán đối với các doanh nghiệp, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Căn cứ Pháp lệnh Kế toán và Thống kê được công bố theo Lệnh số 6LCT/HĐNN - 8, ngày 20-05-1988 của Hội đồng Nhà nước Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước ban hành theo Nghị định 25-HĐBT, ngày 18-03-1989 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);

Căn cứ Điều 37 của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 12-11-1996 (sau đây gọi tắt là Luật đầu tư nước ngoài) và các Điều 65, 66, 67, 68, 69, chương VIII của Nghị định số 12/CP, ngày 18-02-1997 của Chính phủ "Quy định chi tiết thi hành Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam" (sau đây gọi tắt là Nghị định 12/CP);

Căn cứ Điều 23, chương III của Nghị định số 42/CP, ngày 08-07-1995 của Chính phủ về "Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của Tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam" (sau đây gọi tắt là Quy chế hành nghề tư vấn);

Căn cứ Mục V - Lao động cho các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam, người nước ngoài lao động tại Việt Nam, lao động ở nước ngoài của Bộ Luật lao động của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, công bố theo Lệnh số 35L/CTN, ngày 05-07-1994 (sau đây gọi tắt là Bộ Luật lao động).

Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn thực hiện công tác kế toán, kiểm toán đối với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Chi nhánh Tổ chức luật sư nước

ngoài tại Việt Nam, như sau:

I. PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Trong Thông tư này khái niệm Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được hiểu bao gồm các đối tượng sau đây:

1.1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; Doanh nghiệp khu công nghiệp; Doanh nghiệp chế xuất; Các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh, Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) thực hiện đầu tư dưới 3 hình thức: Hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh, Doanh nghiệp liên doanh, Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài.

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động trong tất cả các lĩnh vực kể cả doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

1.2. Chi nhánh Tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam hoạt động theo Quy chế hành nghề tư vấn pháp luật của Tổ chức luật sư nước ngoài tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Chi nhánh Tổ chức luật sư).

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải chấp hành chế độ kế toán và thống kê theo Pháp lệnh Kế toán và Thống kê, Điều lệ Tổ chức kế toán Nhà nước, các văn bản pháp quy hiện hành về kế toán, kiểm toán, Điều 37 - Luật Đầu tư nước ngoài, Điều 65, 66, 67, 68, 69, Chương VIII - Nghị định 12/CP, Điều 23, Chương III - Quy chế hành nghề tư vấn và theo những quy định tại Thông tư này.

2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan Tài chính và của các cơ quan quản lý chức năng trong việc thực hiện công tác kế toán.

3. Tất cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải đăng ký hệ thống Chế độ kế toán áp dụng ở doanh nghiệp và phải được Bộ Tài chính chấp thuận trước khi thực hiện.

4. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu

tư nước ngoài có lý do chính đáng cần áp dụng chế độ kế toán thông dụng khác thì phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

5. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải tuân thủ hệ thống chế độ kế toán đã đăng ký và được Bộ Tài chính chấp thuận cho áp dụng tại doanh nghiệp (kể cả những bổ sung, sửa đổi chế độ kế toán đã được chấp thuận).

6. Khi có nhu cầu bổ sung, sửa đổi Hệ thống kế toán đã đăng ký và đã được chấp thuận, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải giải trình rõ lý do thay đổi và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

7. Trường hợp doanh nghiệp liên doanh thuê Tổ chức quản lý để quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp: Trong mọi trường hợp, doanh nghiệp liên doanh là người chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Tổ chức quản lý trong việc thực hiện hợp đồng, cũng như về số liệu của báo cáo tài chính. Tổ chức quản lý phải chấp hành các quy định của Thông tư này như đối với các đối tượng của Điểm 1.1, phần I - Phạm vi áp dụng.

8. Năm tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với năm tính Thuế có thể là năm dương lịch, hoặc là năm 12 tháng liên tục do doanh nghiệp đăng ký.

9. Báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

10. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải công bố công khai báo cáo tài chính hàng năm và các thông tin về tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đến các đối tượng sử dụng thông tin theo quy định.

11. Yêu cầu của công tác kế toán

Công tác kế toán của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải đảm bảo tính trung thực, đầy đủ, chính xác, kịp thời, liên tục và có hệ thống về: Số hiện có và tình hình biến động của các loại tài sản, nguồn vốn, các khoản chi phí, giá thành sản phẩm, dịch vụ, lao vụ, doanh thu, lợi tức hoạt động kinh doanh; tình hình thực hiện các Luật Thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước Việt Nam theo Giấy phép đầu

tư (đối với Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài), hoặc Giấy phép hoạt động (đối với Chi nhánh Tổ chức luật sư).

12. Khi doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chấm dứt hoạt động với bất kỳ lý do nào đều phải có thông báo bằng văn bản và lập báo cáo tài chính tính đến thời điểm chấm dứt hoạt động với Bộ Tài chính.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

A. NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN HỆ THỐNG CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam hay Chế độ kế toán thông dụng khác đều phải chấp hành các quy định:

1.1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải vận dụng hệ thống kế toán áp dụng phù hợp với ngành nghề kinh doanh, lĩnh vực hoạt động của mình.

1.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể sử dụng đơn vị tiền tệ nước ngoài để ghi sổ kế toán và lập báo cáo kế toán nhưng phải đăng ký trong chế độ kế toán xin áp dụng và được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.

Các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ chính thức được chấp thuận phải ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đơn vị tiền tệ chính thức theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

1.3. Đơn vị đo lường (hiện vật và thời gian) áp dụng trong ghi chép kế toán là đơn vị đo lường chính thức của Việt Nam. Các đơn vị đo lường khác (nếu có) phải quy đổi ra đơn vị đo lường chính thức của Việt Nam. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có thể sử dụng thêm đơn vị đo lường phụ để ghi sổ kế toán.

1.4. Việc ghi chép kế toán thực hiện bằng chữ số Ả Rập và bằng tiếng Việt Nam hoặc đồng thời bằng tiếng Việt Nam và một tiếng nước ngoài thông dụng khác, phải được ghi trong Điều lệ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và trong đăng ký chế độ kế toán.

2. Năm tài chính

2.1. Năm tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với năm tính thuế được quy định tại Điều 60 của Nghị định 12/CP. Năm tài chính có thể là năm dương lịch, hoặc là 12 tháng liên tục bắt đầu từ đầu quý và đăng ký trong chế độ kế toán xin áp dụng.

2.2. Năm tài chính đầu tiên được tính kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư (hoặc Giấy phép đặt Chi nhánh Tổ chức luật sư) đến ngày kết thúc của năm tài chính được chấp thuận.

2.3. Kỳ kế toán trong năm tài chính là:

- Tháng: Tính từ ngày 01 đến ngày cuối cùng của tháng.
- Quý: Tính từ ngày 01 tháng đầu tiên của quý đến ngày cuối cùng của tháng cuối quý.

3. Thời hạn nộp và công bố báo cáo tài chính

- Báo cáo quý: Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý.
- Báo cáo năm: Trong vòng 3 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

4. Nơi nộp báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được nộp Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Tổng cục Thống kê, Cơ quan Thuế địa phương (nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính), bên có vốn góp liên doanh.

5. Kiểm toán báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trước khi nộp và công bố công khai phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập của Việt Nam hoặc công ty kiểm toán độc lập khác được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm phải có chữ ký của kiểm toán viên có chứng chỉ kiểm toán viên do Bộ Tài chính Việt Nam cấp, hoặc bằng kiểm toán cấp quốc gia của nước sở tại mà Bộ Tài chính Việt Nam thừa nhận đã đăng ký trong danh sách kiểm toán viên với Bộ Tài chính; chữ ký của giám đốc công ty và dấu của công ty kiểm toán. Dưới chữ ký của kiểm toán viên phải ghi rõ họ tên, số của chứng chỉ (bằng) kiểm toán của kiểm toán viên.